

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2023/DS-ST
Ngày: 22-8-2023
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
mua bán tài sản

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Tấn Dũng.
- Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2023/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* CÔNG TY TNHH D1; địa chỉ: tổ A, ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Dương Thị Hồng P, sinh năm 1982, chức vụ: Giám đốc; địa chỉ: tổ A, ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 2000; vắng mặt và ông Phan Hòa N, sinh năm 1987; địa chỉ liên hệ: số C, H, phường C, quận G, thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 29 tháng 5 năm 2023); có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trương Văn H1, sinh năm 1981; bà Huỳnh Thị D, sinh năm 1983, cùng địa chỉ cư trú: ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà Huỳnh Thị D theo ủy quyền là ông Trương Văn H1 (Theo văn bản ủy quyền ngày 31/5/2023); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các đại diện của nguyên đơn - Công ty TNHH D1 (Sau đây gọi tắt là Công ty), trình bày:

Công ty có bán thức ăn thủy sản với ông Trương Văn H1 và bà Huỳnh Thị D (vợ ông H1), hai bên có ký hợp kinh tế số 15.06/2022/HĐKT với thỏa thuận là phía Công ty sẽ bán thức ăn thủy sản cho vợ chồng ông H1, bà D bằng hình thức trả chậm, thời gian bán thức ăn kể từ ngày 15/6/2022 đến ngày 15/11/2022 hoặc đến ngày thu hoạch cá sớm, phải thanh toán 100% số tiền thức ăn đã mua cho Công ty. Công ty cung cấp đầy đủ hàng hóa theo yêu cầu của ông H1 và bà D. Tuy nhiên sau khi thu hoạch cá xong thì ông H1 và bà D không thực hiện đúng như cam kết là thanh toán tiền mua thức ăn thủy sản cho Công ty. Nay Công ty yêu cầu ông H1 và bà D có nghĩa vụ liên đới trả số tiền mua thức ăn thủy sản còn nợ 1.188.937.500 đồng và tiền lãi từ 11/8/2022 đến ngày khởi kiện là ngày 08/02/2023 là 117.527.000 đồng (lãi suất 20%/năm). Đối với yêu cầu của ông H1 yêu cầu Công ty bồi thường cho ông 238.000.000 đồng, bồi thường chi phí tiền vận chuyển thức ăn 30.000.000 đồng, đề nghị công ty không tính lãi, và ông H1 khai chỉ còn nợ lại Công ty 609.000.000 đồng là không đúng, nên Công ty không thống nhất theo đề nghị của ông H1. Công ty xác định không có cân cá trong ao số 3 của ông H1. Đối với các yêu cầu khác nếu ông H1 có yêu cầu phản tố thì sẽ có ý kiến, còn hiện tại thì Công ty bác bỏ hoàn toàn ý kiến của ông H1.

Bị đơn, ông Trương Văn H1, cũng là người đại diện cho bà Huỳnh Thị D, trình bày: Ông và Công ty có hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi cá. Công ty bắt đầu giao thức ăn chăn nuôi cá cho ông từ tháng 4 năm 2022 đến tháng 06 năm 2022 là khoảng 03 tháng thì ngừng giao. Cá nuôi 05 tháng thu hoạch, Công ty không thực hiện đúng hợp đồng đã giao kết, 01 bao thức ăn Công ty bán cho ông khoảng 645.000 đồng/01bao và tăng giá tùy theo thời điểm. Phương thức mua bán và giao hàng là khi nào ông cần bao nhiêu bao thức ăn thì gọi điện trực tiếp cho nhân viên Công ty. Sau đó, Công ty sẽ giao thức ăn tại ao nuôi cá cho ông. Thỏa thuận trả tiền là khi nào thu hoạch cá Công ty X cá và thỏa thuận giá. Sau khi cân cá sẽ trừ qua tiền mua thức ăn, khi nào dư thì đưa lại, khi nào thiếu thì nợ lại đó. Trong thời gian 03 tháng từ tháng 4/2022 đến tháng 6/2022, Công ty đã giao cho ông bao nhiêu bao thức ăn thì ông không nhớ rõ số lượng, chỉ nhớ giao thức ăn của ao cá cuối cùng là 34 tấn, nhớ công nợ cuối cùng là còn lại hơn 800.000.000 đồng, tương đương với 34 tấn thức ăn chăn nuôi cá. Không nhớ ngày tháng, sau khi thu hoạch, thì nhân viên Công ty có xuống yêu cầu ký xác nhận công nợ hơn 800.000.000 đồng, nhưng ông không ký vào công nợ, do Công ty cắt ngang không giao thức ăn chăn nuôi cá như hợp đồng đã ký. Cá nuôi 05 tháng mà mới giao 03 tháng rồi ngừng giao. Thực tế ông còn nợ Công ty khoảng 861.000.000 đồng. Vẫn thống nhất trả nợ, nhưng yêu cầu Công ty bồi thường cho ông 20% của 34 tấn cá (ao cá cuối cùng, tổng cộng ông nuôi 04 ao, thời điểm tháng 04 năm 2022), do

công ty ngừng giao thức ăn làm cho cá bị ốm, bệnh, chết làm ông thua lỗ ao cá này. 01 tấn 34.000.000 đồng, thành tiền là 238.000.000 đồng; bồi thường chi phí tiền vận chuyển thức ăn 30.000.000 đồng, do Công ty giao nhưng không giao tới ao, phải thuê người vận chuyển vô ao; Công ty cân ao cá số 3 là 14.200kg x 39.000 đồng/kg = 553.800.000 đồng, mà mới đưa cho ông 100.000.000 đồng, còn lại đề nghị công ty trừ vô tiền gốc; đề nghị Công ty không tính lãi. Do đó, ông chỉ còn nợ Công ty 593.000.000 đồng và thống nhất trả số tiền trên. Ông có ký xác nhận vào “BẢNG KÊ CÔNG NỢ” ngày 11 tháng 8 năm 2022 mà Công ty cung cấp cho Tòa án. Việc Công ty cân cá của các ao cá không có ghi giấy tờ gì cả. Ông đề nghị Công ty phải trừ tiền ao cá số 3 cho ông, nếu không trừ thì xác nhận là không có cân ao cá số 3 của ông. Hiện tại ông không có giấy tờ gì chứng minh cho yêu cầu của ông, nhưng nếu Công ty xác nhận không có cân cá ao số 3 của ông thì ông sẽ kiện sau.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của BLTTDS. Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền mua thức ăn còn nợ gốc 1.188.937.500 đồng và tiền lãi 100.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét, nguyên đơn yêu cầu các bị đơn trả số tiền mua bán thức ăn thủy sản còn nợ gốc 1.188.937.500 đồng, tiền lãi tại phiên tòa thống nhất chỉ tính giảm còn lại 100.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận, vì: Các bị đơn đã nhận tài sản mua là thức ăn thủy sản, nhưng chưa trả tiền theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả tiền được quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự, nên buộc các bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ và lãi theo quy định. Ông H1 đã thừa nhận có ký xác nhận vào “BẢNG KÊ CÔNG NỢ” ngày 11 tháng 8 năm 2022 mà Công ty cung cấp cho Tòa án thì nợ gốc là 1.188.937.500 đồng là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 92 của BLTTDS. Về lãi suất, thỏa thuận trong hợp đồng 3%/tháng, khi khởi kiện nguyên đơn chỉ tính 20%/năm và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn thống nhất chỉ tính 100.000.000 đồng là phù hợp nên chấp nhận, tổng cộng gốc và lãi là 1.288.937.500 đồng.

[3] Các bị đơn phản đối yêu cầu của nguyên đơn nhưng không thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối

đó nên Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại các khoản 2 và 4 Điều 91 BLTTDS.

[4] Đối với việc ông Trương Văn H1 trình bày các yêu cầu đối với Công ty nhưng không làm thủ tục yêu cầu phản tố nên Tòa án chưa xem xét, có quyền khởi kiện vụ án khác.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ như Hội đồng xét xử đã nhận định nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào các Điều 144 và 147 BLTTDS, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí tòa án kèm theo: Ông H1, bà D phải liên đới chịu án phí đối với số tiền phải trả cho Công ty là 50.668.000 đồng. Trả lại Công ty tiền tạm ứng án phí đã nộp 25.597.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 91, 92, 144, 147, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 429, 430, 431, 433, 440 và 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH D1: Buộc bị đơn ông Trương Văn H1 và bà Huỳnh Thị D có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty TNHH D1 số tiền mua thức ăn thủy sản còn nợ gốc và lãi chậm trả là 1.288.937.500 (Một tỷ, hai trăm tám mươi tám triệu, chín trăm mười bảy nghìn, năm trăm) đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc ông Trương Văn H1 và bà Huỳnh Thị D phải liên đới chịu 50.668.000 (Năm mươi triệu, sáu trăm sáu mươi tám nghìn) đồng.

2.2. Trả lại cho Công ty TNHH D1 tiền tạm ứng án phí đã nộp 25.597.000 đồng theo Biên lai số 0004301 ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Hướng dẫn quyền yêu cầu thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/8/2023).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú